

Số: 42/2018/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tiểu khu H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Tạm trú tại: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Lê Văn Sáng, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tiểu khu H, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng Nhung và anh Lê Văn Sáng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Hồng N và anh Lê Văn S thống nhất có 02 đứa con chung tên là Lê Thị Hồng G, sinh ngày 03/11/2006 và Lê Thị Anh T, sinh ngày 04/02/2010. Hai bên thoả thuận giao cháu Lê Thị Hồng G và Lê Thị Anh T cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2018 cho đến khi hai con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N và anh Lê Văn S thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trần Thị Hồng N và anh Lê Văn S mỗi người phải nộp 75.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Chị N thỏa thuận nộp thay toàn bộ án phí cho anh S; số tiền án phí chị N phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số: AA/2017/0004588 ngày 12/6/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Nhàn**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).